



UBND HUYỆN THANH TRÌ
TRƯỜNG THCS VĨNH QUỲNH



SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU TRUYỆN CỔ TÍCH CHO HỌC SINH LỚP 6 THÔNG QUA VIỆC XÂY DỰNG SƠ ĐỒ



Lĩnh vực/ Môn: Ngữ văn
Cấp học: Trung học cơ sở
Tên tác giả: Vũ Minh Phương
Đơn vị công tác: Trường THCS Vĩnh Quỳnh
Chức vụ: Tổ phó chuyên môn

Năm học 2021 - 2022



MỤC LỤC

A. PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. Lý do chọn đề tài	1
II. Phạm vi, đối tượng và phương pháp nghiên cứu	2
III. Cấu trúc của sáng kiến kinh nghiệm	3
B. PHẦN NỘI DUNG CHÍNH	4
CHƯƠNG I: ĐẶC TRƯNG THI PHÁP TRUYỆN CỔ TÍCH	4
I. Khái niệm truyện cổ tích	4
II. Đặc trưng thi pháp truyện cổ tích	4
CHƯƠNG II: PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU TRUYỆN CỔ TÍCH	7
I. Dạy học phát triển năng lực	7
II. Một số biện pháp giúp học sinh phát triển năng lực đọc hiểu truyện cổ tích	9
2.1. Bồi dưỡng và phát triển năng lực phát hiện và đánh giá nhân vật	9
2.2. Rèn kĩ năng phát hiện các chi tiết nghệ thuật, từ đó phát triển năng lực đọc hiểu truyện cổ tích	11
2.3. Rèn kĩ năng phát hiện các sự việc, sự vật, từ đó phát triển năng lực tiếp nhận truyện cổ tích	12
2.4. Rèn kĩ năng tóm tắt cốt truyện để phát triển năng lực cảm thụ văn học	15
CHƯƠNG III: THỰC NGHIỆM	17
I. Địa điểm thực nghiệm	17
II. Thời gian thực nghiệm	17
III. Khách thể thực nghiệm	17
IV. Cách thức thực nghiệm	17
V. Kết quả thực nghiệm	22
C. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	23
I. Kết luận	23
II. Khuyến nghị	24
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

A. PHẦN MỞ ĐẦU

I. Lý do chọn đề tài

Tri thức khoa học toàn cầu ngày nay luôn thay đổi và nhanh chóng trở nên cũ đi; do đó, việc dạy học cũng cần có sự cập nhật, đổi mới liên tục. Để giúp cho học sinh nắm được những kiến thức khoa học cơ bản đó, quá trình dạy học cần phải chuyển hướng từ việc tiếp cận nội dung sang tiếp cận năng lực. Đây là việc làm vô cùng cấp bách và cần thiết.

Nghị quyết trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đã yêu cầu: “Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học theo hướng hiện đại; phát huy tính tích cực, chủ động sáng tạo và vận dụng kiến thức, kỹ năng của người học, khắc phục lối truyền thụ áp đặt, một chiều, ghi nhớ máy móc. Tập trung cách dạy học, cách nghĩ, khuyến khích tự học, tạo cơ sở để người học tự cập nhật và đổi mới tri thức, kỹ năng, phát triển năng lực...”. Định hướng trên đã chỉ rõ phương hướng dạy học trong thời đại ngày nay là cần chú trọng tới kỹ năng, năng lực của người học chứ không phải chỉ tập trung vào nội dung. Thêm vào đó, quan điểm xây dựng chương trình giáo dục phổ thông 2018 môn Ngữ văn “lấy việc rèn luyện các kỹ năng giao tiếp (đọc, viết, nói và nghe) làm trục chính xuyên suốt cả ba cấp học nhằm đáp ứng yêu cầu của chương trình theo định hướng năng lực và bảo đảm tính chỉnh thể, sự nhất quán liên tục trong tất cả các cấp học, lớp học. Các kiến thức phổ thông cơ bản, nền tảng về tiếng Việt và văn học được hình thành qua hoạt động dạy học tiếp nhận và tạo lập văn bản; phục vụ trực tiếp cho yêu cầu rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nói và nghe”.

Một trong những mục tiêu quan trọng của việc dạy học tiếng mẹ đẻ nói chung và môn Ngữ Văn nói riêng là rèn luyện cho học sinh cần sử dụng thành thạo các kỹ năng cơ bản: nghe, nói, đọc, viết. Trong bốn kỹ năng ấy, càng học lên cao, kỹ năng đọc và hiểu càng được chú ý hơn cả. Từ đọc hiểu văn mà trực tiếp tiếp nhận các giá trị văn học, trực tiếp thể nghiệm các tư tưởng và cảm xúc được truyền đạt bằng nghệ thuật ngôn từ, hình thành cách đọc riêng có cá tính. Đó là con đường duy nhất để bồi dưỡng học sinh năng lực của chủ thể thẩm mỹ. Cùng với đó, Bộ Giáo dục – Đào tạo khẳng định “chương trình được xây dựng theo hướng mở”, đồng thời, hình thức kiểm tra đánh giá sẽ linh hoạt hơn, không lấy ngữ liệu trong sách giáo khoa. Do đó hiểu bản chất môn Văn là môn dạy đọc văn vừa thể hiện cách hiểu thực sự bản chất của văn học, vừa hiểu đúng thực chất dạy học văn là dạy năng lực, phát triển năng lực là chủ thể của học sinh.

Văn học dân gian Việt Nam là một kho tàng phong phú chứa đựng tinh hoa nghệ thuật và giá trị nhân văn của dân tộc ta từ bao đời. Theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, với cả 3 bộ Sách giáo khoa *Cánh diều*, *Kết nối tri thức với cuộc sống*, *Chân trời sáng tạo*, việc dạy học văn bản văn học dân gian nói chung, và hẹp hơn và

mảng truyện cổ tích luôn được chú trọng. Đối với bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, mảng truyện cổ tích được học ở học kì II với các tác phẩm: *Thạch Sanh*, *Cây khế* (truyện cổ tích Việt Nam), *Vua chích chòe* (truyện cổ tích nước ngoài) và văn bản đọc thêm *Sọ Dừa* (truyện cổ tích Việt Nam).

Theo các hướng dạy học cũ, những văn bản này đa số được định hướng dạy theo nhiều phương pháp khác nhau, song thường chú trọng vào nội dung mà ít chú ý định hướng kĩ năng, năng lực cho người đọc. Phần đa học sinh chỉ đọc – hiểu văn bản dưới sự hướng dẫn của giáo viên chứ chưa tự hình thành cho mình năng lực đọc hiểu. Với chương trình GDPT 2018, việc định hướng phát triển kĩ năng, năng lực cho HS đã được quan tâm, chú trọng hơn. Điều này ảnh hưởng nhiều tới sự thay đổi phương pháp dạy học của giáo viên, làm sao để các em được trang bị nhiều kĩ năng khi gặp dạng bài tập tương tự.

Năm học 2021 - 2022, tôi có được Ban giám hiệu nhà trường phân công dạy môn Ngữ Văn khối 6. Trong quá trình giảng dạy, tôi nhận thấy sau khi học xong các câu chuyện cổ tích, các em thường ít có kĩ năng nhớ hết được tên nhân vật, các chi tiết, sự kiện, cốt truyện... Học sinh thường thiếu kĩ năng tự điều chỉnh, kiểm soát hành động đọc của mình để tự đọc văn bản. Do vậy, khi cho học sinh tiếp cận một văn bản khác ngay cùng thể loại, chưa chắc các em đã tự định hướng cách đọc hiểu văn bản ấy một cách thuần thục. Xuất phát từ thực tế học của học sinh và với mong muốn giúp cho học sinh lớp 6 hình thành và phát triển được năng lực đọc hiểu truyện cổ tích, rộng hơn nữa là các loại văn bản khác, tôi đã trăn trở và viết đề tài: ***Phát triển năng lực đọc hiểu truyện cổ tích Việt Nam cho học sinh lớp 6 thông qua việc xây dựng sơ đồ.***

II. Phạm vi, đối tượng và phương pháp nghiên cứu

1. Phạm vi và đối tượng

- Học sinh lớp 6 trường Trung học cơ sở trên địa bàn Hà Nội.
- Đề tài tập trung trình bày một số biện pháp dựng sơ đồ tác *Thạch Sanh*, *Cây khế* và *Vua chích chòe* (Bộ *Kết nối tri thức với đời sống*) nhằm phát triển năng lực đọc hiểu bộ môn Ngữ Văn cho học sinh khối 6 trong thời gian nghiên cứu từ tháng 8/2021 và những kết quả thực nghiệm đạt được trong thời gian từ tháng 2/2021 đến tháng 4/2022.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp phân tích – tổng hợp: tiến hành phân tích các tài liệu liên quan đến việc phát triển năng lực đọc hiểu truyện cổ tích Việt Nam cho học sinh lớp 6; từ đó tổng hợp lại để xây dựng thành một hệ thống khái niệm, đặc điểm... phù hợp phục vụ cho đề tài nghiên cứu.

- Phương pháp thống kê – phân loại: từ những nghiên cứu thực tế, dựa trên các số liệu cụ thể, chúng tôi tiến hành phân loại các đối tượng, xếp chúng vào các nhóm khác nhau, đánh giá theo các tiêu chí. Từ đó, đề tài sẽ rút ra những kết luận và đề xuất các biện pháp hợp lý.

- Phương pháp thực nghiệm: áp dụng vào quá trình dạy học trực tiếp của học sinh Trung học cơ sở.

- Phương pháp đối chiếu: so sánh kết quả của học sinh trước và sau khi áp dụng các phương pháp; so sánh kết quả của lớp được thực nghiệm và lớp đối sánh.

III. Cấu trúc của sáng kiến kinh nghiệm

Ngoài phần mở đầu, kết luận, mục lục và tài liệu tham khảo, phần nội dung của đề tài được chia thành 3 chương.

Chương I: Đặc trưng thi pháp truyện cổ tích.

Chương II: Phát triển năng lực đọc hiểu truyện cổ tích thông qua việc xây dựng sơ đồ hướng dẫn học sinh.

Chương III: Thực nghiệm.

B. PHẦN NỘI DUNG CHÍNH

CHƯƠNG I: ĐẶC TRƯNG THI PHÁP TRUYỆN CỔ TÍCH

I. Khái niệm truyện cổ tích

Theo *“Từ điển thuật ngữ văn học”* định nghĩa, truyện cổ tích “là một thể loại truyện dân gian nảy sinh từ xã hội nguyên thủy nhưng chủ yếu phát triển trong xã hội có giai cấp với chức năng chủ yếu là phản ánh và lí giải những vấn đề xã hội, những số phận khác nhau của con người trong cuộc sống muôn màu, muôn vẻ khi đã có chế độ tư hữu tài sản, có gia đình riêng, có mâu thuẫn giai cấp và đấu tranh xã hội quyết liệt”.

Giáo trình *“Lịch sử văn học Việt Nam”* đưa ra cách định nghĩa khác: “Truyện cổ tích là loại truyện xuất hiện sớm từ cổ xưa, chủ yếu do các tầng lớp bình dân sáng tác, trong đó óc tưởng tượng (bao gồm cả huyền tưởng) chiếm phần quan trọng, tuy rằng huyền tưởng ở đây đã khác hẳn với yếu tố huyền tưởng trong thần thoại. Có thể có yếu tố hoang đường, kì diệu hoặc không. Truyện cổ tích trình bày – với một phong cách thường kết hợp với hiện thực và lãng mạn – cuộc sống với những con người trong những tương quan của xã hội có giai cấp”.

Sách giáo khoa Ngữ Văn 10, tập I đưa ra định nghĩa truyện cổ tích là “tác phẩm tự sự dân gian mà cốt truyện và hình tượng được hư cấu có chủ định, kể về số phận con người bình thường trong xã hội, thể hiện tinh thần nhân đạo và lạc quan của nhân dân lao động”.

Sách giáo khoa Ngữ Văn 6, tập II (Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống) nêu khái niệm: “Truyện cổ tích là loại truyện dân gian có nhiều yếu tố hư cấu, kì ảo, kể về số phận và cuộc đời của các nhân vật trong những mối quan hệ xã hội. Truyện cổ tích thể hiện cái nhìn về hiện thực, bộc lộ quan niệm đạo đức, lẽ công bằng và ước mơ về một cuộc sống tốt đẹp hơn của người lao động xưa”.

Như vậy có nhiều cách định nghĩa khác nhau về cùng thể loại truyện này. Để phù hợp với đặc điểm lứa tuổi học sinh lớp 6, trong đề tài này, chúng tôi chọn khái niệm trong sách giáo khoa Ngữ Văn 6 (Bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*) làm cơ sở giúp nhận diện truyện cổ tích, từ đó định hướng các biện pháp phát triển năng lực đọc hiểu truyện cổ tích cho học sinh lớp 6.

II. Đặc trưng thi pháp truyện cổ tích

Trong tiếng Nga, từ “cổ tích” được gọi là *Xkazka*, đồng nghĩa với *sự bịa đặt*. Điều này nên được hiểu là yếu tố tưởng tượng giữ vai trò chủ chốt, quan trọng trong thể loại truyện dân gian này. Nếu tưởng tượng trong thần thoại và truyền thuyết gắn liền với niềm tin của người kể, người nghe, đồng thời được dựa trên nền tảng các yếu tố lịch sử có thực, thì tưởng tượng trong truyện cổ tích là một *sự hư cấu có chủ tâm*. Truyện cổ tích thực hiện chức năng giáo dục thông qua cảm hứng nghệ thuật, “giáo dục bằng hình thức nêu gương”, gửi tới độc giả niềm tin vào lẽ công bằng trên đời.

thông qua triết lí “ở hiền gặp lành”, “ác giả ác báo”. Cổ tích là hình thức tự sự dân gian, bởi vậy cũng mang các đặc trưng của loại hình tự sự, bao gồm cốt truyện, xung đột, cách xây dựng nhân vật kết cấu, không gian – thời gian và những yếu tố nghệ thuật kì ảo.

1. Cốt truyện, lời kể, kết cấu

Có thể chia cốt truyện thành 4 loại: truyện cổ tích thần kì, truyện cổ tích sinh hoạt, truyện cổ tích động vật và truyện cổ tích về sự tích. Đặc điểm chung của các loại cốt truyện trên là kết cấu tuyến tính: các sự kiện diễn ra theo mạch thời gian, việc gì xảy ra trước kể trước, việc gì xảy ra sau kể sau tạo thành chuỗi các sự kiện kết nối nhau, từ đó thể hiện rõ quan hệ nhân – quả giữa các sự kiện.

Nghệ thuật kể truyện cổ tích cũng được xây dựng theo một motif chung. Có những công thức mở đầu quen thuộc như “Ngày xưa”, “Ngày xưa ngày xưa” hay “Một hôm”, “Có một hôm”, “Có một lần”...

Kết cấu của truyện cổ tích thường có hai phần: dẫn truyện và thuật truyện xen kẽ nhau. Phần dẫn truyện là lời kể trực tiếp của người kể chuyện, còn phần thuật truyện thường là lời đối thoại của các nhân vật trong truyện. Đây là phần chính của truyện, nếu người kể có tài thì người nghe bị cuốn hút theo.

2. Xung đột

Truyện cổ tích ra đời và phát triển song song với quá trình tan rã của thị tộc mẫu hệ, hình thành gia đình phụ quyền và quá trình phân hóa giai cấp trong xã hội. Phản ánh, lí giải những mối quan hệ, những sự xung đột mâu thuẫn giữa người và người trong các quá trình lịch sử của gia đình và xã hội nói trên chính là chức năng cơ bản của thể loại cổ tích. Phần lớn những truyện cổ tích tiêu biểu và quen thuộc đối với nhân dân thường xoay quanh đề tài sinh hoạt gia đình, phản ánh và lí giải những xung đột có tính chất riêng tư nhưng phổ biến như giữa anh em trai (truyện *Cây khế*), giữa dì ghẻ - con chồng (truyện *Tấm Cám*)... Thông qua những xung đột này, tác phẩm đã phản ánh số phận của các cá nhân và thể hiện ước mơ thay đổi số phận của chính họ.

3. Cách xây dựng nhân vật

Với mỗi kiểu truyện, có những hệ thống nhân vật khác nhau. Trừ nhóm truyện cổ tích về loài vật, các nhân vật trong 3 nhóm truyện cổ còn lại tích được chia làm các kiểu người, đại diện cho các kiểu người khác nhau trong xã hội, thường được chia là hai tuyến: chính diện (tốt, thiện) và phản diện (xấu, ác).

Nếu như đa số các nhân vật chính diện trong truyện cổ tích thần kì thường thụ động, bất lực trước hoàn cảnh thì ngược lại, hầu hết các nhân vật trong cổ tích sinh hoạt đều có tính chủ động và tích cực hơn, mặc dù cuối cùng họ vẫn có thể rơi vào tình thế nguy nan, bế tắc. Đó là sự bế tắc của xã hội, của những con người tích cực.

Truyện cổ tích thần kì lí tưởng hóa các nhân vật chính diện bằng cách “làm lại” cuộc đời họ một cách không tưởng và khẳng định những phẩm chất của họ một cách

tuyệt đối. Truyện cổ tích sinh hoạt cũng lí tưởng hóa nhân vật của mình nhưng theo một kiểu khác: để họ tự lo liệu lấy số phận, khẳng định phẩm chất của họ thông qua sự ứng xử cụ thể với bản thân họ.

4. Không gian, thời gian

Thế giới trong truyện cổ tích không giống với thế giới thực tại của con người, cũng không giống với thế giới của các thần linh trong thần thoại. Đó là một thế giới riêng, “thế giới cổ tích” tồn tại trong trí tưởng tượng của người kể và người nghe truyện. Nó rộng lớn, mênh mông, bao gồm nhiều “cõi” như “cõi trần”, “cõi âm”, Thủy cung...

Thời gian và không gian trong truyện cổ tích đều được quan niệm và diễn tả phù hợp với thế giới cổ tích – một thế giới phong phú, phức tạp và đầy mâu thuẫn (giữa cái đúng – cái sai, cái thực – cái ảo, ...). Thời gian cổ tích khi thì trôi rất nhanh, khi thì chậm lại tựa hồ như không có. Nhiều nhân vật trong cổ tích cứ “trẻ mãi không già”. Không gian trong cổ tích cũng vậy, khi thì rất cụ thể, thậm chí có cả địa danh xác định, khi thì rất mơ hồ, chỉ có tính chất tượng trưng (như nhân vật đi vào *rừng sâu*, đến *một con suối*, ngồi ở *gốc đa*...)

Lời kể trong truyện cổ tích thường mở đầu bằng những từ ngữ chỉ không gian, thời gian không xác định để mang tính chất khái quát, phiếm chỉ. Tùy thuộc vào bối cảnh, người kể chuyện có thể thay đổi một số chi tiết trong lời kể, tạo ra nhiều bản kể khác nhau ở cùng một cốt truyện (dị bản).

5. Nghệ thuật

Nét tiêu biểu, đặc sắc nhất của truyện cổ tích chính là yếu tố nghệ thuật tưởng tượng kì ảo. Trong điều kiện xã hội mà con người bị cột chặt vào tổ chức gia đình một cách ghê gớm như xã hội của truyện cổ tích thì việc đưa con người ra khỏi vòng cương tỏa ấy – dù chỉ là trong tưởng tượng cũng hết sức khó khăn. Để khắc phục điều này, trí tưởng tượng dân gian đã hoạt động rất tích cực, khai thác nhiều nguồn tài liệu khác nhau để tạo ra hệ thống nhân vật phụ như Tiên, Bụt, chim thần, hoàng tử, công chúa... Tuy có vai trò và tính chất khác nhau nhưng những nhân vật phụ ấy đều gắn bó chặt chẽ với việc thực hiện và thể hiện tính chất thần kì của nhân dân ở trong truyện cổ tích. Các lực lượng thần kì này giống như chiếc cầu kì diệu đã nối liền cuộc đời thực với cuộc đời mộng tưởng của nhân vật chính diện, để nó có thể trở thành một thể thống nhất trong trí tưởng tượng đặc biệt của các tác giả truyện cổ tích.

Ở truyện cổ tích, khi nào xung đột phát triển đến cao độ thì lực lượng thần kì mới xuất hiện. Đó có thể là người, là thần, cũng có thể là các đồ vật nhằm hỗ trợ nhân vật chính diện giải quyết những khó khăn, bế tắc. Tất nhiên cũng có những truyện, yếu tố thần kì không tham gia vào việc giải quyết những xung đột cơ bản trong truyện mà chỉ góp phần làm tăng thêm tính chất kì diệu, hấp dẫn của câu chuyện.

CHƯƠNG II: PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC ĐỌC HIỂU TRUYỆN CỔ TÍCH THÔNG QUA VIỆC XÂY DỰNG SƠ ĐỒ HƯỚNG DẪN HỌC SINH

I. Dạy học phát triển năng lực

Từ những năm 90 của thế kỉ XX, trên thế giới tồn tại hai cách tiếp cận chủ yếu của chương trình giáo dục là tiếp cận nội dung hoặc chủ đề và tiếp cận kết quả đầu ra.

Tiếp cận nội dung là cách nêu ra một danh mục đề tài, chủ đề của một lĩnh vực/ môn học nào đó, tức là tập trung xác định và trả lời câu hỏi: *Chúng ta muốn học sinh cần biết cái gì*. Như vậy, cách tiếp cận này chủ yếu yêu cầu người học nắm vững những kiến thức truyền đạt thường nặng về lí thuyết và tính hệ thống, đặc biệt các yếu tố liên quan đến tiềm năng, các giai đoạn phát triển, nhu cầu, hứng thú và điều kiện của người học bị xem nhẹ.

Tiếp cận kết quả đầu ra là cách tiếp cận nêu rõ kết quả và những khả năng hoặc kĩ năng mà học sinh mong muốn đạt được vào cuối mỗi giai đoạn học tập trong nhà trường ở một môn học cụ thể. Nói cách khác, tiếp cận này nhằm trả lời câu hỏi: *Chúng ta muốn học sinh biết và có thể làm được những gì?* Đây là cách tiếp cận chú trọng vào kĩ năng, năng lực của học sinh trong việc giải quyết các vấn đề, các nhiệm vụ chứ không phải chú trọng vào việc học sinh đã có được những nội dung, đơn vị kiến thức nào.

Bước sang thế kỉ XXI, do tốc độ phát triển xã hội và những biến đổi toàn cầu, giáo dục ngày càng được quan tâm hơn và có những thay đổi để phù hợp với tình hình thực tiễn. Theo đó, các nhà giáo dục trên thế giới đã đề ra một cách tiếp cận mới, đó là *tiếp cận theo năng lực*. Giáo dục theo hướng tiếp cận năng lực được hiểu như là quan điểm giáo dục dựa trên 2 trụ cột: (1) Xem năng lực của người học là mục tiêu đào tạo, là kết quả giáo dục; (2) Xem năng lực là nền tảng, là chỗ dựa của giáo dục, tức là giáo dục phải dựa vào năng lực của người học, đặc biệt là kinh nghiệm thường trực được huy động thuộc vùng phát triển gốc.

Dạy học theo định hướng phát triển năng lực thể hiện qua bốn đặc trưng cơ bản sau:

(1) Dạy học thông qua tổ chức liên tiếp các hoạt động học tập, giúp học sinh tự khám phá những điều chưa biết chứ không thụ động tiếp thu tri thức được sắp đặt sẵn. Giáo viên là người tổ chức và chỉ đạo học sinh tiến hành các hoạt động học tập phát hiện kiến thức mới, vận dụng sáng tạo kiến thức đã biết vào các tình huống học tập hoặc tình huống thực tiễn.

(2) Chú trọng vào rèn luyện cho học sinh biết khai thác sách giáo khoa và các tài liệu học tập, biết cách tự tìm lại những kiến thức đã có, suy luận để tìm tòi và phát hiện kiến thức mới... Định hướng cho học sinh cách tư duy như phân tích, tổng hợp, khái quát hóa... để dần hình thành và phát triển tiềm năng sáng tạo.

(3) Tăng cường phối hợp học tập cá thể với học tập hợp tác, biến lớp học thành môi trường giao tiếp giáo viên – học sinh và ngược lại nhằm vận dụng sự hiểu biết và kinh nghiệm của từng cá nhân, của tập thể trong giải quyết các vấn đề, nhiệm vụ học tập.

(4) Chú trọng đánh giá kết quả học tập theo mục tiêu bài học trong suốt tiến trình dạy học thông qua hệ thống câu hỏi, bài tập đánh giá. Chú trọng phát triển kỹ năng tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau của học sinh với nhiều hình thức như theo lời giải/ đáp án mẫu, theo hướng dẫn hoặc tự xác định tiêu chí để có thể phê phán, tìm nguyên nhân và nêu cách sửa chữa các sai sót.

Có thể tổng hợp một số dấu hiệu khác biệt giữa đánh giá kiến thức, kỹ năng của người học với đánh giá năng lực như sau:

Tiêu chí	Đánh giá kiến thức, kỹ năng	Đánh giá năng lực
Mục đích chủ yếu nhất	- Xác định việc đạt kiến thức, kỹ năng theo mục tiêu của chương trình dạy học. - Đánh giá, xếp hạng giữa những người học với nhau. - Đánh giá, xếp hạng giữa những người học với nhau.	- Đánh giá khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng đã học của học sinh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn của cuộc sống. - Vì sự tiến bộ của người học so với chính họ.
Ngữ cảnh đánh giá	Gắn với nội dung học tập (những kiến thức, kỹ năng, thái độ) được học trong nhà trường.	Gắn với ngữ cảnh học tập và thực tiễn cuộc sống của học sinh.
Nội dung đánh giá	- Những kiến thức, kỹ năng, thái độ ở một môn học. - Quy chuẩn theo việc người học có đạt được hay không một nội dung đã được học.	- Những kiến thức, kỹ năng thái độ ở nhiều môn học, nhiều hoạt động giáo dục và những trải nghiệm của bản thân học sinh trong cuộc sống xã hội (tập trung vào năng lực thực hiện). - Quy chuẩn theo các mức độ phát triển năng lực của người học.
Công cụ đánh giá	Câu hỏi, bài tập, nhiệm vụ trong tình huống theo lý thuyết hoặc tình huống thực.	Ra nhiệm vụ, bài tập trong tình huống, bối cảnh thực.
Thời điểm đánh giá	Thường diễn ra ở những thời điểm nhất định trong quá trình dạy học, đặc biệt là trước và sau khi dạy.	Đánh giá mọi thời điểm của quá trình dạy học, chú trọng đến đánh giá trong khi học.
Kết quả	Năng lực của người học phụ	Năng lực của người học phụ

đánh giá	thuộc và số lượng câu hỏi, nhiệm vụ hay bài tập đã hoàn thành. • Càng đạt được nhiều đơn vị kiến thức, kỹ năng thì càng được coi là có năng lực cao hơn.	thuộc vào độ khó của nhiệm vụ hoặc bài tập đã hoàn thành. • Thực hiện được nhiệm vụ càng khó, càng phức tạp hơn sẽ được coi là có năng lực cao hơn.
----------	--	---

II. Một số biện pháp giúp học sinh phát triển năng lực đọc hiểu truyện cổ tích

2.1. Bồi dưỡng và phát triển năng lực phát hiện và đánh giá nhân vật

Có nhiều cách để phân chia các nhân vật. *Từ góc độ kết cấu*, mỗi câu chuyện đều có nhân vật chính, nhân vật trung tâm, nhân vật phụ... Trong đó nhân vật chính đóng vai trò chủ yếu thể hiện tư tưởng của tác phẩm. Với những tác phẩm có nhiều nhân vật chính thì nhân vật quan trọng nhất xuyên suốt toàn bộ tác phẩm được gọi là nhân vật trung tâm. *Từ bình diện nội dung tư tưởng/ phẩm chất của nhân vật*, người ta chia ra làm hai kiểu: nhân vật phản diện và nhân vật chính diện. Theo đó, chúng ta thấy, khi tìm hiểu truyện cổ tích sinh hoạt như *Cây khế*, *Vua chích chòe*, giáo viên nên hướng dẫn học sinh phân theo hướng thứ nhất, còn truyện cổ tích thần kì như *Thạch Sanh* thì chia theo hướng thứ hai. Nếu đã nắm được quy luật của từng tiểu loại như vậy, chúng ta hoàn toàn có thể giúp cho học sinh hình thành các loại sơ đồ khác nhau để phát hiện và đánh giá nhân vật trong truyện cổ tích. Chúng tôi đưa ra cách thức hoạt động của giáo viên và học sinh như sau:

2.1.1. Sử dụng sơ đồ khuyết thiếu

Quy trình giáo viên hướng dẫn học sinh:

Bước 1: Yêu cầu học sinh xác định kiểu truyện cổ tích để định hình kiểu sơ đồ. Với truyện cổ tích sinh hoạt, học sinh nên lựa chọn kiểu sơ đồ có điểm trung tâm là nhân vật trung tâm (nhân vật chính), xung quanh là các nhân vật phụ có liên quan đến nhân vật trung tâm (nhân vật chính). Với truyện cổ tích thần kì, học sinh nên lựa chọn kiểu sơ đồ phân tuyến, thể hiện kiểu đối lập giữa hai nhân vật.

Bước 2: Yêu cầu học sinh đọc lướt văn bản, xác định các nhân vật.

Bước 3: Xác định nhân vật trung tâm (truyện cổ tích sinh hoạt); xác định hai tuyến nhân vật thiện – ác (truyện cổ tích thần kì).

Bước 4: Hoàn thành sơ đồ mẫu với các kí hiệu được hướng dẫn.

Nhiệm vụ của học sinh:

Bước 1: Xác định kiểu truyện cổ tích dựa vào những hiểu biết về truyện, lựa chọn kiểu sơ đồ thích hợp.

Bước 2: Đọc lướt văn bản, xác định và ghi nhanh tên các nhân vật ra nháp (dựa vào khái niệm nhân vật).

Bước 3: Phân loại các nhân vật dựa vào hướng dẫn của giáo viên.

Bước 4: Cân nhắc và xếp các nhân vật vào sơ đồ cho phù hợp.

Dưới đây là một số sơ đồ mẫu:

Sơ đồ cho học sinh: truyện cổ tích thần kì “Thạch Sanh”

Mục đích: Tạo hai tuyến nhân vật đối lập nhau, thể hiện qua màu sắc cũng như hướng mũi tên.

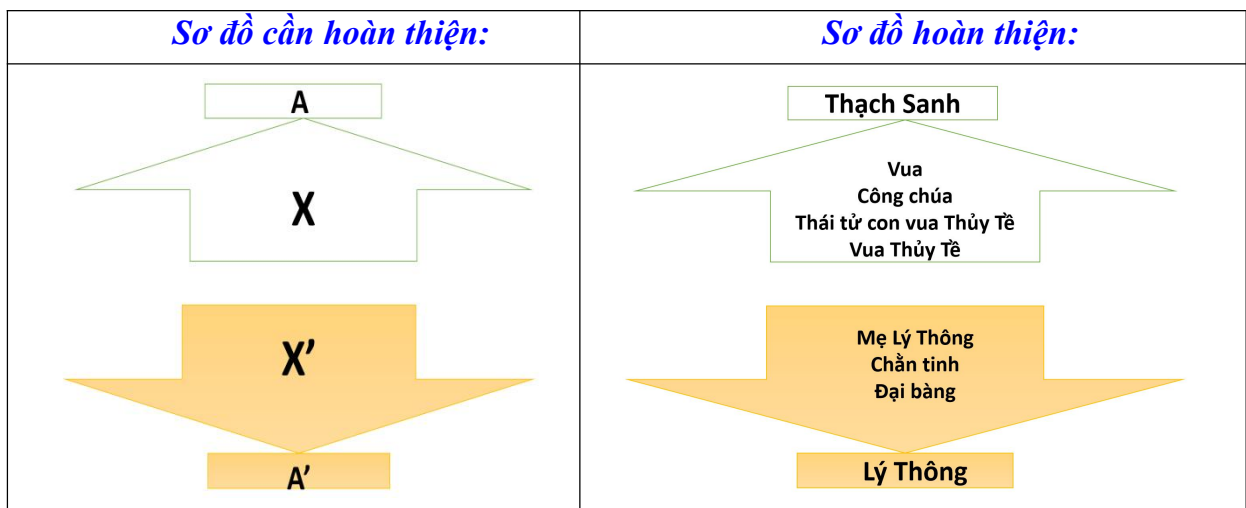
Chú thích:

A: nhân vật chính (thuộc nhóm nhân vật chính diện)

A': nhân vật chính (thuộc nhóm nhân vật phản diện)

X: các nhân vật thuộc tuyến chính diện

X': các nhân vật thuộc tuyến phản diện



2.1.2. Sử dụng sơ đồ tư duy

Ngoài việc phát hiện các nhân vật trong truyện cổ tích, cần định hướng và rèn cho học sinh năng lực đánh giá nhân vật. Sách giáo khoa Ngữ Văn 6 có ghi chú: nhân vật thường được thể hiện qua các mặt như tên gọi, lai lịch, tính nết, hình dáng, việc làm... Như vậy, để có thể đánh giá được các nhân vật trong truyện cổ tích, chúng ta có thể dựa vào các khía cạnh trên, thông qua bản đồ tư duy để đưa ra nhận xét, đánh giá (giáo viên liên hệ, tích hợp với bài *Tóm tắt bằng sơ đồ nội dung của một văn bản đơn giản*)

Quy trình giáo viên hướng dẫn học sinh:

Bước 1: Xác định đối tượng được đánh giá thuộc kiểu nhân vật nào (để định hướng các phương tiện đánh giá nhân vật).

Bước 2: Hướng dẫn học sinh xác định các khía cạnh, phương diện mà mình muốn đánh giá về nhân vật.

Bước 3: Xây dựng sơ đồ để ghi nhớ về đối tượng.

Nhiệm vụ của học sinh:

Bước 1: Xác định kiểu nhân vật trong truyện cổ tích.

Bước 2: Xác định các khía cạnh, phương diện đánh giá nhân vật.

Bước 3: Xây dựng sơ đồ cây hoặc sơ đồ tư duy để thể hiện sự đánh giá đối với nhân vật.

Dưới đây là một số sơ đồ mẫu:

Sơ đồ: Những phẩm chất tốt đẹp của Thạch Sanh.



2.2. Rèn kĩ năng phát hiện các chi tiết nghệ thuật, từ đó phát triển năng lực đọc hiểu truyện cổ tích

Trong truyện cổ tích, không phải câu chuyện nào cũng có chi tiết nghệ thuật đặc sắc. Để xác định chi tiết nào mang tính nghệ thuật cũng không đơn giản. Theo chúng tôi, chi tiết nghệ thuật trong truyện cổ tích cần đảm bảo một số yếu tố sau:

1. Là yếu tố mới lạ, hấp dẫn (có thể mang tính hư cấu, kì ảo).
2. Quen thuộc/ được lưu truyền trong dân gian hoặc mang tính cố định, gắn với câu chuyện cổ tích đó.
3. Giúp hóa giải bi kịch, giúp làm nhân vật chính diện được hưởng hạnh phúc xứng đáng.
4. Giúp nhân vật vượt qua các thử thách, các yêu cầu.
5. Đóng vai trò làm tiền đề cho sự phát triển của cốt truyện.
6. Gắn với quan niệm nghệ thuật, ước mơ của nhân dân lao động.
7. Mang bản chất sáng tạo của người nghệ sĩ, bản chất văn hóa của một cộng đồng.

Dựa vào những tiêu chí trên, giáo viên có thể hướng dẫn cho học sinh lập bảng đối chiếu giữa chi tiết được chọn trong tác phẩm với những tiêu chí chuẩn đưa ra. Các bước tiến hành của giáo viên và học sinh như sau:

Quy trình giáo viên hướng dẫn học sinh:

Bước 1: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu khái niệm chi tiết nghệ thuật.

Bước 2: Yêu cầu học sinh tìm các chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm bằng cách dùng bảng đánh giá.

Bước 3: Chốt ý và giải thích cho học sinh lí do đó là những chi tiết nghệ thuật của truyện.

Nhiệm vụ của học sinh:

Bước 1: Xác định các chi tiết đặc sắc có thể là chi tiết nghệ thuật trong truyện.

Bước 2: Dựa vào bảng đánh giá, tìm ra chi tiết nghệ thuật.

Dưới đây là bảng mẫu:

Dưới đây là một số chi tiết đặc sắc trong truyện Thạch Sanh. Em hãy thử đánh giá xem đâu là chi tiết nghệ thuật dựa vào các tiêu chí (như trên)

Bảng cần hoàn thiện:

	1	2	3	4	5	6	7
Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh							
Thạch Sanh diệt chằn tinh							
Thạch Sanh diệt đại bàng cứu công chúa							
Cung tên vàng							
Tiếng đàn thần							
Niêu com thần							

Bảng đã hoàn thiện:

	1	2	3	4	5	6	7
Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh	X				X		X
Thạch Sanh diệt chằn tinh	X			X	X	X	X
Thạch Sanh diệt đại bàng cứu công chúa	X			X	X	X	X
Cung tên vàng	X	X		X	X	X	X
Tiếng đàn thần	X	X	X	X	X	X	X
Niêu com thần	X	X	X	X	X	X	X

Như vậy, thông qua việc liệt kê các chi tiết và đánh giá chúng dựa trên những tiêu chí trên, chúng ta có thể xác định được những chi tiết nghệ thuật quan trọng của truyện cổ tích. Cụ thể, trong truyện Thạch Sanh, *tiếng đàn thần* và *niêu com thần* là những chi tiết nghệ thuật.

2.3. Rèn kĩ năng phát hiện các sự việc, sự vật, từ đó phát triển năng lực tiếp nhận truyện cổ tích

2.3.1. Rèn kĩ năng phát hiện các sự việc chính trong truyện cổ tích

Trong văn tự sự, sự việc là cái xảy ra được nhận thức có ranh giới rõ ràng, phân biệt với những cái khác xảy ra. Sự việc được trình bày một cách cụ thể: xảy ra trong thời gian, địa điểm cụ thể, do nhân vật cụ thể thực hiện, có nguyên nhân, diễn biến, kết quả. Các sự việc trong truyện bao gồm: sự việc khởi đầu, sự việc phát triển, sự việc

cao trào, sự việc kết thúc. Với những lưu ý trên, chúng ta có thể đưa ra cách thức tiến hành của giáo viên và học sinh như sau:

Quy trình giáo viên hướng dẫn học sinh:

Bước 1: Hướng dẫn học sinh lập sơ đồ thể hiện quá trình, trong đó phân làm 4 nhóm sự việc như trên để dễ phát triển sự việc hơn.

Bước 2: Yêu cầu học sinh tìm các sự việc trong từng phần. Mỗi phần nhỏ là một sự việc, được kể lại bằng một hay nhiều đoạn văn khác nhau. Giáo viên cần hướng dẫn học sinh tìm các sự việc thông qua việc xác định nhân vật, thời gian, nơi chốn và hành động của nhân vật trong bối cảnh không gian, thời gian xác định; hoặc xác định đối tượng miêu tả trong tiến trình tiến triển của nó.

Bước 3: Diễn đạt ngắn gọn các sự việc trên bằng từ khóa chính, tránh dài dòng.

Ví dụ 1: Đọc đoạn văn sau và gạch chân các ***từ khóa chính*** liên quan tới thời gian, địa điểm, nhân vật, hành động mà nhân vật thực hiện:

“Ngày xưa, có một chàng trai nghèo tên là Thạch Sanh. Thạch Sanh sống lủi thủi một mình trong túp lều cũ dựng dưới gốc đa. Cả gia tài chỉ có một lưỡi búa, hằng ngày lên rừng đốn củi kiếm ăn”

Ta có thể nêu sự việc trên bằng cách lược bớt, rút gọn từ ngữ hoặc thay thế các từ ngữ được gạch chân bằng từ ngữ tương ứng (ngắn gọn hơn). Từ đó, chúng ta có thể rút ra sự việc chính trong đoạn văn trên là: Giới thiệu lai lịch của Thạch Sanh.

Trong trường hợp đoạn văn khá dài, chúng ta không thể gạch chân hết các từ khóa được. Do đó học sinh có thể tìm cách phân chia văn bản thành các phần và tóm tắt nội dung phần đó bằng câu ngắn gọn nêu nội dung chính, trong đó cần chú ý đề cập tới nhân vật chính và hành động/ việc làm gắn với nhân vật đó.

Ví dụ 2: Đọc đoạn trích từ “*Nhà vua nọ có một người con gái... ông vua tốt bụng ấy có tên là Vua chích chòe*” (Truyện *Vua chích chòe* - SGK Ngữ văn 6, bộ *Kết nối tri thức với đời sống*, trang 36,17) và cho biết nội dung chính. Dễ dàng nhận thấy sự việc chính của đoạn văn bản là nhà vua kén rể, công chúa chê bai tất cả những người tới cầu hôn mình.

Nhiệm vụ của học sinh:

Bước 1: Suy nghĩ, tạo kiểu sơ đồ giúp bản thân dễ nhớ, dễ thuộc, dễ hình dung.

Bước 2: Dựa vào nội dung truyện, học sinh suy nghĩ và vạch ra các phần nhỏ khác nhau của truyện, mỗi phần thể hiện một nội dung.

Bước 3: Tương ứng với mỗi sự việc, học sinh lựa chọn câu văn phù hợp để diễn tả.

Bước 4: Cân nhắc, chỉnh sửa cách diễn đạt, điền vào sơ đồ sự việc để tự ghi nhớ.

Dựa theo hướng dẫn cũng như các bước thực hiện trên, chúng ta có được các mẫu sơ đồ dưới đây.

Sơ đồ hoàn chỉnh: Kể tên các sự việc chính trong truyện cổ tích “Thạch Sanh”.

Khởi đầu	Sự ra đời của Thạch Sanh.
Phát triển	- Thạch Sanh kết nghĩa anh em với Lí Thông. - Thạch Sanh giết chằng tinh, được cung tên vàng. - Thạch Sanh giết đại bàng, cứu được công chúa và con trai vua Thủy Tề, được tặng cây đàn thần.
Cao trào	- Thạch Sanh bị vu oan và được giải oan nhờ tiếng đàn. - Thạch Sanh đối phó với quân 18 nước chư hầu bằng tiếng đàn và niêu cơm thần.
Kết thúc	Thạch Sanh lấy công chúa và được truyền ngôi vua.

Sơ đồ hoàn chỉnh: Trình bày các sự việc chính trong truyện cổ tích “Cây khế” dựa vào các hình ảnh tương ứng:

Hình ảnh	Sự việc chính tương ứng	Hình ảnh	Sự việc chính tương ứng
	Cha mẹ chết, người anh chia gia tài, người em chỉ được cây khế.		Người anh biết chuyện, đổi gia tài của mình lấy cây khế, người em bằng lòng.
	Cây khế có quả, chim đến ăn, người em phàn nàn và chim hện trả ơn bằng vàng.		Chim lại đến ăn, mọi chuyện diễn ra như cũ, nhưng người anh may túi quá to và lấy quá nhiều vàng.
	Chim chở người em bay ra đảo lấy vàng, nhờ thế người em trở nên giàu có.		Người anh bị rơi xuống biển và chết.

2.3.2. Rèn kĩ năng phát hiện các sự vật chính trong truyện cổ tích và ý nghĩa của nó

Ngoài việc phát hiện các sự việc, học sinh cũng cần rèn cho mình năng lực phát hiện các sự vật có trong truyện. Cần hiểu sự vật ở đây không đơn thuần là con vật, đồ vật, cây cối... Sự vật trong truyện cổ tích thường phải đảm bảo một trong số các yếu tố sau: được đặt trong mối quan hệ với nhân vật, có ý nghĩa biểu tượng, mang giá trị nghệ thuật... Đó có thể là sự vật mang tính chất tượng trưng, hư cấu, gắn với thử thách của nhân vật chính trong truyện cổ tích thần kì hoặc sự vật giúp nhân vật vượt qua thử thách trong truyện cổ tích sinh hoạt.

Việc học sinh phát hiện các sự vật trong truyện cổ tích không chỉ giúp cho các em nắm được tác dụng của các sự vật quen thuộc trong các câu chuyện quen thuộc mà còn giúp các em ghi nhớ cốt truyện một cách dễ dàng hơn.

Quy trình hướng dẫn của giáo viên:

Bước 1: Thông qua các sự việc, các thử thách mà học sinh đã tìm ra trước đó, học sinh phát hiện các sự vật trong truyện.

Bước 2: Hệ thống hóa các sự việc bằng sơ đồ tư duy (nên vẽ hình minh họa để dễ nhớ, dễ hình dung).

Bước 3: Chú giải, giải thích mối liên hệ giữa sự vật đó với nhân vật trong truyện.

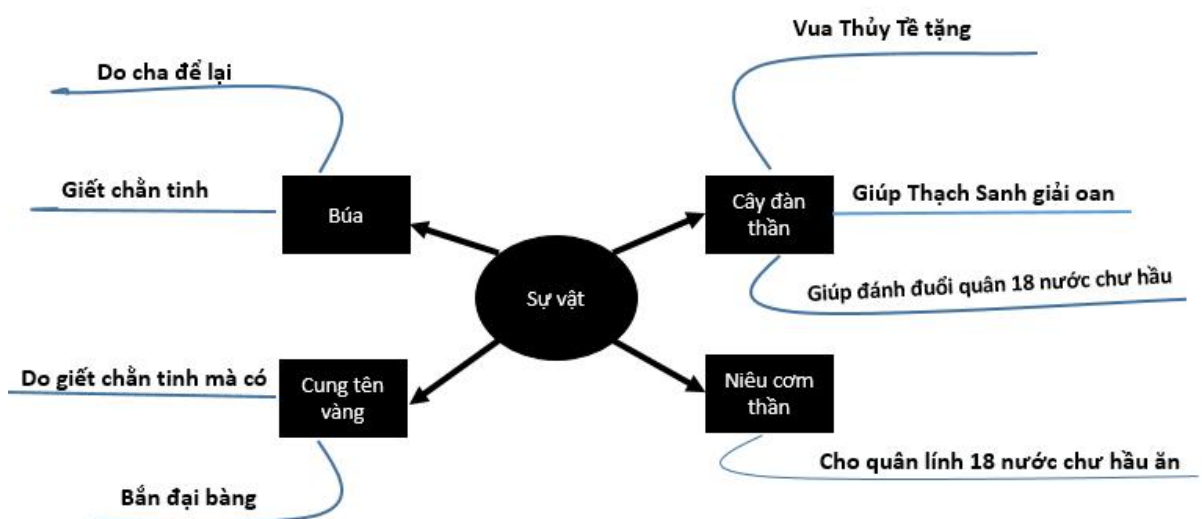
Nhiệm vụ của học sinh:

Bước 1: Phát hiện và gạch chân hoặc ghi lại các sự vật mình cho là quan trọng.

Bước 2: Học sinh vẽ sơ đồ tư duy bằng tay (hoặc sử dụng các phần mềm hỗ trợ).

Bước 3: Chú giải, giải thích mối liên hệ giữa sự vật đó với nhân vật trong truyện.

Mẫu sơ đồ sự vật trong truyện “Thạch Sanh”:



2.4. Rèn kĩ năng tóm tắt cốt truyện để phát triển năng lực cảm thụ văn học

Tóm tắt cốt truyện là trình bày lại một nội dung của văn bản gốc theo một mục đích đã định trước. Văn bản tóm tắt thường ngắn gọn, cô đọng hơn so với văn bản gốc.

Việc lựa chọn thông tin để đưa vào văn bản phụ thuộc vào mục đích tóm tắt – nhân tố hàng đầu chi phối việc tóm tắt văn bản. Văn bản tóm tắt phải mang tính khách quan, phản ánh trung thực văn bản gốc, từ đó giúp học sinh nắm được cái cốt lõi của câu chuyện.

Một số lưu ý khi tóm tắt văn bản:

- Diễn đạt càng ngắn gọn, càng súc tích càng tốt, loại bỏ những thông tin không cần thiết đối với mục đích tóm tắt.

- Văn bản tóm tắt phải luôn phản ánh trung thực nội dung văn bản gốc, không thêm thắt những nội dung không có trong văn bản gốc.

- Người tóm tắt cần diễn đạt theo cách riêng của mình, tránh đến mức tối đa dùng lại các câu, đoạn trong văn bản gốc. Nên dùng câu có đủ thành phần.

Quy trình hướng dẫn của giáo viên:

Bước 1: Nhắc các em nhớ lại sự việc chính trong truyện.

Bước 2: Hướng dẫn học sinh tìm các chi tiết, sự kiện tiêu biểu để giải thích, minh họa, diễn tả cho các sự việc đã tìm được. Chọn sơ đồ minh họa phù hợp (nên chọn dạng bảng để dễ hình dung).

Bước 3: Hướng dẫn học sinh viết các đoạn nhỏ thành đoạn văn tóm tắt.

Bước 4: Giúp các em kết nối các đoạn nhỏ thành bài tóm tắt hoàn chỉnh.

Nhiệm vụ của học sinh:

Bước 1: Nhớ lại các sự việc chính của truyện.

Bước 2: Trong mỗi sự việc, tìm các chi tiết, sự kiện tiêu biểu để giải thích, minh họa, diễn tả cho sự việc đó. Vẽ sơ đồ minh họa/ bảng thống kê.

Bước 3: Viết những đoạn nhỏ theo các sự việc.

Bước 4: Kết nối các đoạn nhỏ thành đoạn văn tóm tắt.

<i>Bảng tóm tắt các sự việc của truyện cổ tích “Vua chích chòe”</i>	<i>Sơ đồ hoàn thiện:</i>
	

CHƯƠNG III: THỰC NGHIỆM

I. Địa điểm thực nghiệm

Tại trường Trung học cơ sở nơi tôi giảng dạy trong năm học 2021 – 2022.

II. Thời gian thực nghiệm

- Vì năm học này, chương trình lớp 6 sử dụng bộ Sách giáo khoa mới theo Chương trình GDPT 2018, vậy nên ngay từ khi Bộ giáo dục ban hành Sách giáo khoa, chúng tôi đã tiến hành nghiên cứu và đề ra các biện pháp dạy học hiệu quả (tháng 8/2021)

- Ở bộ môn Ngữ Văn 6, theo chương trình của bộ sách *Kết nối tri thức với cuộc sống*, nội dung phần truyện cổ tích bắt đầu từ học kì II (*Bài 7 – Thế giới cổ tích*). Vì vậy, thời gian tôi tiến hành các biện pháp thực nghiệm bắt đầu từ đầu học kì II (tháng 2/2022) đến nay (tháng 4/2022).

III. Khách thể thực nghiệm

Tôi đã nhờ 01 đồng nghiệp ở trường cùng áp dụng biện pháp này với tất cả đối tượng học sinh lớp 6A1, 6A2 (áp dụng đại trà với hai lớp có sức học ngang nhau).

IV. Cách thức thực nghiệm

1. Cách thức tiến hành

Thực hiện bài khảo sát ban đầu để đánh giá chất lượng, thái độ và ý thức học sinh đối với việc học phần truyện cổ tích. Sau một thời gian thực hiện, tiến hành kiểm tra lại để lấy kết quả.

Trong quá trình giảng dạy, tôi cùng đồng nghiệp (giáo viên dạy Văn tại lớp 6A1) luôn trao đổi, đối chiếu kết quả các bài dạy có sử dụng phương pháp dạy học phát triển năng lực đọc hiểu truyện cổ tích với những tiết học dạy theo phương pháp truyền thống. Quá trình dạy này mang lại cho tôi và đồng nghiệp những kinh nghiệm quý giá để ngày càng phát huy hiệu quả các phương pháp dạy học nâng cao chất lượng giảng dạy.

2. Một số giờ học cụ thể áp dụng các biện pháp nhằm phát triển năng lực đọc hiểu truyện cổ tích cho học sinh.

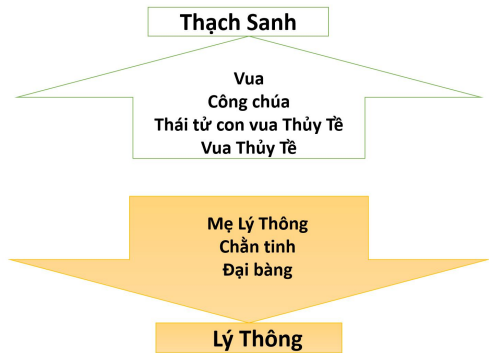
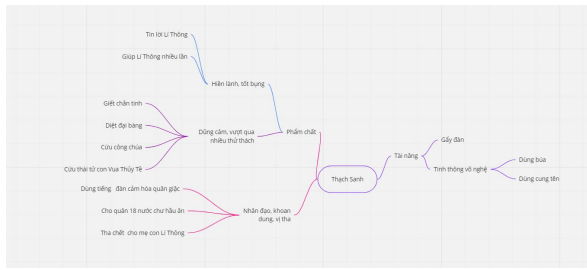
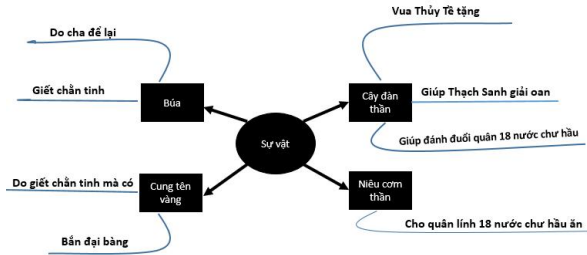
2.1. Tiết 86, 87: Thạch Sanh

a) Giao nhiệm vụ: Cuối tiết học hôm trước, giáo viên đã giao nhiệm vụ cho từng tổ (nhóm) làm dự án. Cụ thể:

- Nhóm 1, 2: Những vẻ đẹp, phẩm chất của Thạch Sanh.
- Nhóm 3, 4: Những vật dụng của Thạch Sanh, công dụng và ý nghĩa.
- Nhiệm vụ cá nhân: Mỗi học sinh cần tự hoàn thiện sơ đồ tóm tắt cốt truyện và sơ đồ phân loại hai tuyến nhân vật trong truyện.

b) Tiến trình giờ học

Các hoạt động	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh

1. Khởi động	Giáo viên dẫn dắt, giới thiệu bài.	Học sinh lắng nghe.
2. Đọc văn bản	- Giáo viên hướng dẫn cách đọc văn bản, đọc mẫu. - Giáo viên cùng học sinh tìm hiểu khái quát văn bản. Giáo viên tích hợp kiểm tra bài cũ: Kiểm tra sản phẩm dự án của học sinh. + Tóm tắt nội dung văn bản + Nêu và phân loại hệ thống các nhân vật trong truyện theo hai tuyến chính diện – phản diện.	- Học sinh lắng nghe. Học sinh đọc văn bản. - Học sinh làm việc cá nhân tương tác với giáo viên. 
3. Khám phá văn bản	- Giáo viên tổ chức cho học sinh tìm hiểu nhân vật Thạch Sanh.	- Nhóm 1, 2: Những vẻ đẹp, phẩm chất của Thạch Sanh. - Hình thức: tái hiện thông tin nhân vật thông qua việc hoàn thiện sơ đồ tư duy. 
4. Luyện tập, vận dụng, trải nghiệm	- Giáo viên tổ chức cho học sinh tìm hiểu ý nghĩa của những chi tiết tưởng tượng kì ảo trong văn bản.	- Nhóm 3, 4: Những vật dụng của Thạch Sanh, công dụng và ý nghĩa. - Hình thức: tái hiện thông tin nhân vật thông qua việc hoàn thiện sơ đồ tư duy. 
5. Dặn dò	Giáo viên giao nhiệm vụ cụ thể cho học sinh vào tiết học hôm sau: “Thực hành tiếng Việt: Nghĩa của từ”.	

2.2. Tiết 89, 90: Cây khế

a) Giao nhiệm vụ: Cuối tiết học hôm trước, giáo viên đã yêu cầu học sinh soạn, chuẩn bị bài.

b) Tiến trình giờ học

Các hoạt động	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh																
1. Khởi động	Giáo viên tổ chức chơi trò chơi để mở ra các từ khóa có liên quan tới nội dung bài (<i>chim phượng hoàng, mồ côi, truyện cổ tích, cây khế, vàng</i>), dẫn dắt vào bài	Học sinh tham gia chơi, đoán đáp án từ khóa.																
2. Đọc văn bản	- Giáo viên hướng dẫn cách đọc văn bản, đọc mẫu. - Giáo viên cùng học sinh tìm hiểu khái quát văn bản. + Tóm tắt nội dung văn bản qua hoạt động nhìn tranh – gọi chi tiết + Nêu và phân loại hệ thống các nhân vật trong truyện theo hai tuyến chính diện – phản diện.	- Học sinh lắng nghe. Học sinh đọc văn bản. - Học sinh làm việc cá nhân tương tác với giáo viên. <table><tr><th>Hình ảnh</th><th>Sự việc chính tương ứng</th></tr><tr><td></td><td>Cha mẹ chết, người anh chia gia tài, người em chỉ được cây khế.</td></tr><tr><td></td><td>Cây khế có quả, chim đến ăn, người em phân nân và chim hên trả ơn bằng vàng.</td></tr><tr><td></td><td>Chim chở người em bay ra đảo lấy vàng, nhờ thế người em trở nên giàu có.</td></tr></table><table><tr><th>Hình ảnh</th><th>Sự việc chính tương ứng</th></tr><tr><td></td><td>Người anh biết chuyện, đổi gia tài của mình lấy cây khế, người em bằng lòng.</td></tr><tr><td></td><td>Chim lại đến ăn, mọi chuyện diễn ra như cũ, nhưng người anh may túi quá to và lấy quá nhiều vàng.</td></tr><tr><td></td><td>Người anh bị rơi xuống biển và chết.</td></tr></table>	Hình ảnh	Sự việc chính tương ứng		Cha mẹ chết, người anh chia gia tài, người em chỉ được cây khế.		Cây khế có quả, chim đến ăn, người em phân nân và chim hên trả ơn bằng vàng.		Chim chở người em bay ra đảo lấy vàng, nhờ thế người em trở nên giàu có.	Hình ảnh	Sự việc chính tương ứng		Người anh biết chuyện, đổi gia tài của mình lấy cây khế, người em bằng lòng.		Chim lại đến ăn, mọi chuyện diễn ra như cũ, nhưng người anh may túi quá to và lấy quá nhiều vàng.		Người anh bị rơi xuống biển và chết.
Hình ảnh	Sự việc chính tương ứng																	
	Cha mẹ chết, người anh chia gia tài, người em chỉ được cây khế.																	
	Cây khế có quả, chim đến ăn, người em phân nân và chim hên trả ơn bằng vàng.																	
	Chim chở người em bay ra đảo lấy vàng, nhờ thế người em trở nên giàu có.																	
Hình ảnh	Sự việc chính tương ứng																	
	Người anh biết chuyện, đổi gia tài của mình lấy cây khế, người em bằng lòng.																	
	Chim lại đến ăn, mọi chuyện diễn ra như cũ, nhưng người anh may túi quá to và lấy quá nhiều vàng.																	
	Người anh bị rơi xuống biển và chết.																	
3. Khám phá văn bản	- Giáo viên tổ chức cho học sinh tìm hiểu nhân vật người em, nhân vật người anh thông qua hoạt động nhóm đôi hoàn thành phiếu bài tập. - Giáo viên tổ chức cho học sinh tìm hiểu ý nghĩa của những chi tiết tương tượng kì ảo trong văn bản.	Học sinh hoạt động nhóm đôi, hoàn thành phiếu bài tập (thời gian 5 phút) Học sinh làm việc cá nhân																

4. Luyện tập, vận dụng, trải nghiệm	- Giáo viên tổ chức cho học sinh trải nghiệm: lựa chọn nhập vai nhân vật trong văn bản để tái hiện lại những đặc điểm của nhân vật đó thông qua việc hoàn thiện sơ đồ tư duy.	Câu 1: Tìm những chi tiết trong câu chuyện để hoàn thiện sơ đồ tư duy sau Câu 1: Tìm những chi tiết trong câu chuyện để hoàn thiện sơ đồ tư duy sau
5. Dặn dò	Giáo viên giao nhiệm vụ cụ thể cho học sinh vào tiết học hôm sau: “Thực hành tiếng Việt: Nghĩa của từ - Biện pháp tu từ”.	

2.3. Tiết 92, 93: Vua chích chòe

a) Giao nhiệm vụ: Cuối tiết học hôm trước, giáo viên đã yêu cầu học sinh soạn, chuẩn bị bài.

b) Tiến trình giờ học

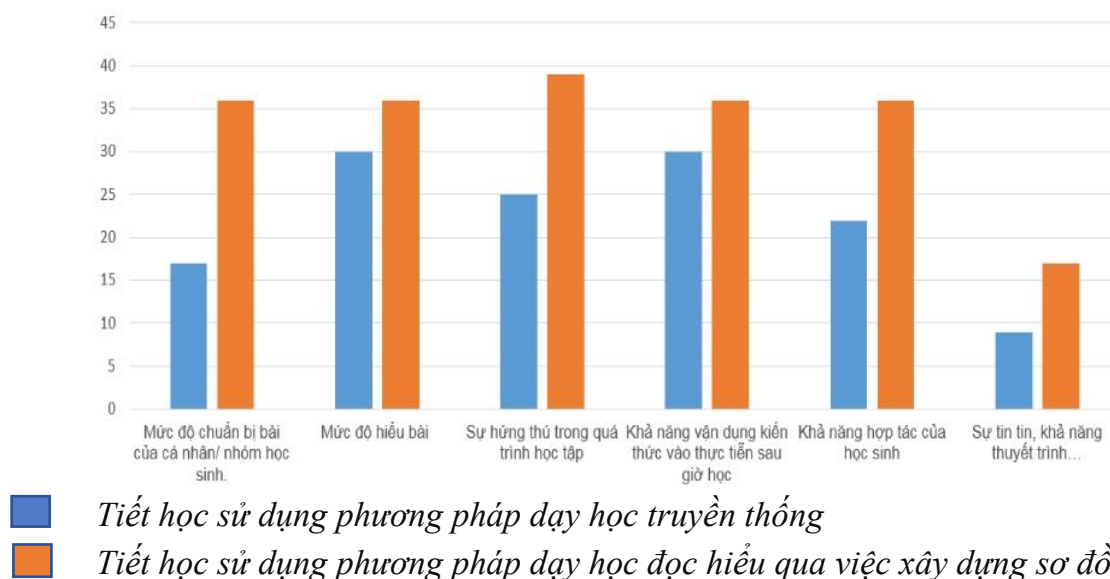
Các hoạt động	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động	Giáo viên tổ chức chơi trò chơi “Xem tranh – đoán truyện” để gọi tên những truyện cổ tích nước ngoài, dẫn vào bài	Học sinh tham gia chơi, đoán đáp án.
2. Đọc văn bản	- Giáo viên hướng dẫn cách đọc văn bản, đọc mẫu. - Giáo viên cùng học sinh tìm hiểu khái quát văn bản.	- Học sinh lắng nghe. Học sinh đọc văn bản. - Học sinh làm việc cá nhân tương tác với giáo viên.

	+ Tóm tắt nội dung văn bản qua hoạt động hoàn thiện sơ đồ tư duy hình bông hoa. + Nêu và phân loại hệ thống các nhân vật trong truyện theo hai tuyến chính – phụ.													
3. Khám phá văn bản	- Giáo viên tổ chức cho học sinh hoạt động theo hình thức <i>Khăn trải bàn</i>, tìm hiểu nhân vật công chúa và nhân vật vua chích chòe. - Giáo viên chốt kiến thức <table border="1"> <thead> <tr> <th>Nội dung</th><th>Công chúa</th><th>Vua chích chòe</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Xuất thân</td><td>Con gái của nhà vua</td><td>Vua của một nước</td></tr> <tr> <td>Ngoại hình</td><td>Xinh đẹp tuyệt trần</td><td>Cầm hơi cong như mỏ chim</td></tr> <tr> <td>Tính cách</td><td>Kiều căng, ngạo mạn, coi thường người khác nhưng đã biết nhận và sửa lỗi sai của mình.</td><td>Tốt bụng, khoan dung đã giúp công chúa thay đổi, sửa sai lầm.</td></tr> </tbody> </table>	Nội dung	Công chúa	Vua chích chòe	Xuất thân	Con gái của nhà vua	Vua của một nước	Ngoại hình	Xinh đẹp tuyệt trần	Cầm hơi cong như mỏ chim	Tính cách	Kiều căng, ngạo mạn, coi thường người khác nhưng đã biết nhận và sửa lỗi sai của mình.	Tốt bụng, khoan dung đã giúp công chúa thay đổi, sửa sai lầm.	- Học sinh hoạt động nhóm đôi, hoàn thành phiếu bài tập (thời gian 5 phút) - Học sinh làm việc cá nhân - <i>Sản phẩm của học sinh:</i>
Nội dung	Công chúa	Vua chích chòe												
Xuất thân	Con gái của nhà vua	Vua của một nước												
Ngoại hình	Xinh đẹp tuyệt trần	Cầm hơi cong như mỏ chim												
Tính cách	Kiều căng, ngạo mạn, coi thường người khác nhưng đã biết nhận và sửa lỗi sai của mình.	Tốt bụng, khoan dung đã giúp công chúa thay đổi, sửa sai lầm.												
	- Giáo viên tổ chức cho học sinh tìm hiểu ý nghĩa của những chi tiết tưởng tượng kì ảo trong văn bản.													
4. Luyện tập, vận dụng, trải nghiệm	- Giáo viên tổ chức cho học sinh trải nghiệm: nhập vai là một nhân vật trong truyện, em hãy kể lại câu chuyện bằng lời văn của mình.	Học sinh tham gia trải nghiệm												
5. Dặn dò	Giáo viên giao nhiệm vụ cụ thể cho học sinh vào tiết học hôm sau: “Hướng dẫn viết: Viết bài văn đóng vai nhân vật kể lại truyện cổ tích”.													

V. Kết quả thực nghiệm

. Sau 03 tháng tiến hành áp dụng biện pháp *phát triển năng lực đọc hiểu truyện cổ tích cho học sinh lớp 6 thông qua việc xây dựng sơ đồ*, kết quả thực nghiệm thu được ở 02 của lớp tôi và đồng nghiệp áp dụng rất khả quan. Cụ thể:

Nội dung khảo sát	Tiết học sử dụng phương pháp dạy học truyền thống	Tiết học sử dụng phương pháp phát triển năng lực đọc hiểu thông qua xây dựng sơ đồ
Mức độ chuẩn bị bài của cá nhân/nhóm học sinh	43,6%	92,3%
Mức độ hiểu bài	76,9%	92,3%
Sự hứng thú trong quá trình học tập	64,1%	92,3%
Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn sau giờ học	76,9%	92,3%
Khả năng hợp tác của học sinh	56,4%	92,3%
Sự tin tin, khả năng thuyết trình...	23,1%	43,6%



Bảng đối chiếu chất lượng tiết học sử dụng phương pháp dạy học truyền thống và tiết học sử dụng phương pháp dạy học đọc hiểu qua việc xây dựng sơ đồ.

Qua bảng số liệu và đồ thị minh họa trên, có thể thấy biện pháp của tôi đang đi đúng hướng. Bản thân tôi cũng đã áp dụng biện pháp này trong tiết dạy hội giảng và được các đồng nghiệp trong tổ bộ môn đánh ghi nhận. Biện pháp tôi nêu tuy chưa phải là biện pháp đột phá nhưng biện pháp có tính mới, tính sáng tạo và đã có những hiệu quả nhất định, bước đầu được đồng nghiệp và BGH nhà trường đánh giá cao.

C. KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

I. Kết luận

1. Đánh giá chung

Thế giới quanh ta luôn tràn ngập âm thanh, màu sắc. Hương vị của cuộc sống là sự pha trộn tinh tế, tổng hòa của mọi hương sắc trong đời. Có nhà văn Pháp đã viết: *“Một trăm thân cây bạch dương giống nhau cả trăm, một trăm ánh lửa giống nhau cả trăm. Mới nhìn tưởng thế, nhưng nhìn kĩ thì thân cây bạch dương nào cũng khác nhau, ngọn lửa nào cũng khác nhau. Trong đời ta gặp bao nhiêu người, phải thấy mỗi người mỗi khác nhau, không một ai giống ai”*. Chiêm bái, ngắm nhìn cuộc sống thôi là chưa đủ, làm sao để níu giữ vẻ đẹp của “lát cắt cuộc sống” ấy, từ những thuở tình khôi cho tới khi úa tàn, từ những êm dịu tới tận cùng dữ dội, để thấy đặc cái riêng của mỗi cá thể trong một quần thể rộng lớn, để kiếm tìm hạt trân châu, vẻ đẹp thâm kín bị vùi lấp trong cát bụi... ấy chính là khao khát cháy bỏng của con người. Ghi lại để nhớ, để lưu cảm xúc, để truyền dạy thế hệ này sang thế hệ khác... Đó chính là vai trò lớn lao của văn chương nói chung.

Học phần Văn bản luôn đóng vai trò rất quan trọng trong bộ môn Ngữ văn ở mọi cấp học. Trong chương trình Ngữ Văn 6, truyện dân gian là một nội dung quan trọng. Nắm được phương pháp đọc hiểu truyện cổ tích là các em đã có kỹ năng để đọc hiểu các văn bản truyện nói chung. Đây là yêu cầu cần thiết đối với chương trình GDPT 2018.

2. Kết quả đạt được

Khi vận phương pháp xây dựng sơ đồ trong quá trình đọc hiểu, có thể thấy sự thay đổi trong cả nhận thức và ý thức của các em học sinh trong suốt quá trình học tập, từ khâu chuẩn bị bài ở nhà, việc tập trung học trên lớp cũng như hình thành, xây dựng được các kỹ năng mềm như hợp tác, thuyết trình, khả năng sử dụng công nghệ thông tin... Áp dụng các biện pháp học tập mới khiến học sinh năng động, hình thành và phát triển ý thức học tập tốt hơn. Được tiếp xúc với thực tế hay các phương tiện trực quan đã kích thích, phát triển ghi nhớ, tái hiện, khả năng diễn đạt, biểu đạt của các em học trò. Như vậy, có thể thấy được đề tài đã bước đầu mang lại sự tiến bộ cho học sinh trong việc học các văn bản Ngữ văn lớp 6.

3. Khả năng áp dụng

Có rất nhiều phương pháp, kỹ thuật dạy học hiện đại đang ngày càng được áp dụng phổ biến, đại trà hơn vào các giờ lên lớp bộ môn Ngữ Văn. Để giờ học văn diễn ra đạt được nhiều hiệu quả, người giáo viên cần linh hoạt phối kết hợp các phương pháp, kỹ thuật dạy học đó. Tôi hy vọng rằng việc ***phát triển năng lực đọc hiểu truyện cổ tích cho học sinh lớp 6 thông qua việc xây dựng sơ đồ tư duy*** mang lại những chuyển biến rõ rệt, không chỉ có tác dụng với riêng học sinh lớp tôi và lớp của đồng

ng nghiệp của tôi đã, đang dạy mà sẽ được ứng dụng nhiều hơn nữa trong thực tế giảng dạy; không chỉ ở môn Ngữ văn mà được triển khai ở các môn học khác.

II. Khuyến nghị

1. Đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo Huyện

- Thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, đặc biệt là các buổi có liên quan đến giới thiệu các phương pháp, hình thức dạy học hiện đại, tích cực.
- Tổ chức các giờ dạy Chuyên đề cấp Huyện có áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, trong đó có phương pháp xây dựng sơ đồ đề giáo viên trong huyện được học hỏi, từ đó vận dụng nhân chuyên đề tại từng nhà trường phù hợp với đối tượng học sinh.

2. Đối với Nhà trường

- Tạo điều kiện cho các giáo viên tham gia các buổi tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học.
- Tổ chức các sân chơi, các cuộc thi học tập để khuyến khích học sinh tích cực, sáng tạo các sản phẩm không chỉ của bộ môn Ngữ văn mà còn có các môn học khác.

3. Đối với giáo viên

- Cần tìm tòi, đổi mới phương pháp và lựa chọn những hình thức dạy học, ngữ liệu tích hợp phù hợp với mục tiêu bài học và hoàn cảnh, không gian từng lớp học; phù hợp với trình độ của học sinh.
- Trong quá trình dạy, các phương pháp, biện pháp dạy học cần được phối hợp khéo léo, nhịp nhàng để khai thác hết vẻ đẹp ngôn từ văn chương, tránh làm mất đi đặc trưng bộ môn; đồng thời là cơ hội giúp học sinh “khám phá”, thể hiện những năng lực của mình.
- Có những hình thức động viên, khen thưởng để khích lệ học sinh phát huy năng lực của bản thân.

4. Đối với học sinh: Học sinh cần tích cực, chủ động khi được giao nhận nhiệm vụ, có thái độ hợp tác, phối kết hợp với nhau để cùng đưa ra giải pháp cho sản phẩm của mình....

Ngọc có mài mới sáng, người có học mới thành tài. Học sinh khối lớp 6 vừa chập chững bước vào đầu cấp học mới với những bờ ngõ ban đầu, muốn học sinh học thật tốt, người giáo viên cần không ngừng củng cố và nâng cao kiến thức cho các em. Việc đưa các phương pháp, hình thức dạy học mới cũng là một cách để các em hào hứng hơn với bộ môn Ngữ văn, đồng thời kích thích trí tưởng tượng, tăng khả năng liên tưởng, sáng tạo của học sinh, tránh gò bó các em vào những khuôn mẫu cứng nhắc. Văn chương không phải sự đóng khung, áp đặt những ý kiến của một cá nhân cho tập thể. Văn chương là sự đồng sáng tạo, là mảnh đất để các em thỏa sức thả cánh diều của trí tưởng tượng, của những hình dung, của bay bổng hồn văn thơ. Vì vậy, mỗi người giáo viên hãy là một “kẻ lãng du” níu sợi dây diều, để tâm hồn mơ mộng của các bé

vẫn chao nghiêng trên khung trời mơ ước nhưng không quá lạc lối với những quy chuẩn của bộ môn.

Sáng kiến kinh nghiệm dạy học này được tôi rút ra từ những kinh nghiệm của bản thân sau thời gian đứng lớp. Tự ý thức bài viết còn nhiều thiếu sót, tôi rất mong được Hội đồng khoa học các cấp có ý kiến đánh giá, nhận xét; các bạn bè đồng nghiệp góp ý, bổ sung để tôi có thể hoàn thiện bản thân hơn, đồng thời được học hỏi thêm những kinh nghiệm khác để truyền dạy cho học trò của mình.

Tôi xin chân thành cảm ơn!

Thanh Trì, ngày 25 tháng 4 năm 2022

Tôi xin cam đoan sáng kiến này do chính tôi viết,
không sao chép nội dung của người khác.

Người thực hiện

Vũ Minh Phương

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bernd Meier, Nguyễn Văn Cương (2016), *Lí luận dạy học hiện đại*, NXB Đại học Sư phạm.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể môn Ngữ Văn*.
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT về ban hành chương trình giáo dục phổ thông mới*.
4. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Những vấn đề chung về đổi mới giáo dục THCS môn Ngữ Văn*, NXB Giáo dục.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), *Sách giáo khoa Ngữ Văn 10, tập 1*, NXB Giáo dục Việt Nam.
6. Nguyễn Viết Chữ (2005), *Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương theo loại thể*, NXB Đại học Sư phạm.
7. Nguyễn Viết Chữ (2010), *Phương pháp dạy học tác phẩm văn chương trong nhà trường*, NXB Giáo dục Việt Nam.
8. Dự án Việt – Bỉ (2010), *Dạy và học tích cực, một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, NXB Đại học Sư phạm.
9. Bùi Minh Đức (2015), *Đổi mới dạy học tác phẩm văn chương ở trường trung học phổ thông*, NXB Giáo dục Việt Nam.
10. Lê Bá Hãn, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên, 2007), *Từ điển thuật ngữ văn học*, NXB Giáo dục.
11. Bùi Mạnh Hùng (chủ biên, 2021), *Sách giáo khoa Ngữ văn 6, tập 2 – Bộ Kết nối tri thức với cuộc sống*, NXB Giáo dục Việt Nam
12. Tưởng Duy Hải (chủ biên, 2017), *Tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo trong dạy học Ngữ Văn THCS*.
13. Phạm Thị Thu Hương (chủ biên, 2017), *Giáo trình thực hành dạy học Ngữ Văn ở trường phổ thông*, NXB Đại học Sư phạm.
14. Phan Trọng Luận (chủ biên, 2012), *Phương pháp dạy học văn, tập 1*, NXB Đại học Sư phạm.
15. Hoàng Tiến Tựu (1990), *Văn học dân gian Việt Nam*, NXB Giáo dục.

PHỤ LỤC

PHIẾU ĐIỀU TRA HỌC SINH LỚP 6 THỰC TRẠNG HỌC TẬP PHẦN TRUYỆN CỔ TÍCH

Họ và tên học sinh:

Lớp:

Trường:

Em hãy cho biết ý kiến của mình qua các câu hỏi sau: (Học sinh có thể lựa chọn nhiều đáp án).

1. Mức độ hứng thú của em đối với việc học những văn bản truyện cổ tích trong chương trình Ngữ văn lớp 6 như thế nào?

A. Nhàm chán

C. Có chút hứng thú

B. Bình thường

D. Rất hứng thú

2. Em có đánh giá gì về việc chuẩn bị bài tập trước giờ lên lớp?

A. Tốn thời gian mà không mang lại hiệu quả.

B. Tốn thời gian nhưng cũng khiến mình hiểu bài.

C. Giúp ích cho quá trình ghi nhớ kiến thức vì phải tự tìm hiểu bài và tạo ra sản phẩm.

D. Rất hứng thú, kết nối khả năng hợp tác giữa các thành viên.

3. Sau khi học xong văn bản truyện cổ tích, em có thể vận dụng các kỹ năng đã học trong giờ học để áp dụng vào đọc hiểu các văn bản khác được không?

A. Không ứng dụng được

B. Chỉ làm được với văn bản có nội dung tương tự.

C. Áp dụng được với truyện cổ tích Việt Nam, truyện cổ tích nước ngoài còn lúng túng.

D. Dễ dàng áp dụng đối với các văn bản truyện cổ tích khác.

4. Đánh giá về mức độ tự tin khi thuyết trình, khả năng hợp tác làm việc nhóm của bản thân em:

A. Không có khả năng đó

C. Khá tốt, còn một chút lúng túng.

B. Hiếm khi thực hiện được

D. Tự tin khi thực hiện

5. Em cảm thấy mình gặp khó khăn khi làm bài tập xây dựng sơ đồ?

.....
.....
.....
.....

6. Em có mong muốn gì để có thể nâng cao chất lượng học tập phần văn bản nói riêng môn Ngữ văn nói chung?

.....
.....
.....

Chân thành cảm ơn sự đóng góp ý kiến của em!